TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **100**/2021/HNGĐ-ST Ngày: 17/9/2021 V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"	Yên Thành, ngày 17 tháng 9 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Giang.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Bá Tấn.
2. Bà Chu Thị Xuyến

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành – tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2021/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 về "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2021/QĐST-HPT ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T – sinh năm 1971.
Địa chỉ cư trú: xóm V, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đặng Quang T – sinh năm 1963.
Địa chỉ cư trú: xóm V, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23/7/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Đặng Quang T có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai bên có với nhau 2 con chung. Quá trình chung sống tình cảm bình thường cho đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn ngày một căng thẳng, trầm trọng. Trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên xúc phạm, đánh đập chị thậm tệ. Hiện tại hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ chung sống với nhau nữa. Do chị và anh T không có đăng ký kết hôn theo

quy định của pháp luật nên chị đề nghị Tòa án xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Đặng Quang T.

Về con chung: Có 2 con chung là: Đặng Thị Thảo, sinh năm 1993; Đặng Quang Vinh, sinh năm 1997. Hiện 2 con đều đã đủ tuổi trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Quang T theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể làm việc được với anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1,7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Đối với anh Đặng Quang T. Đây là phiên tòa được mở lần thứ 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

Xét hôn nhân giữa chị T và anh T có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không được xem là hợp pháp. Sau ngày cưới hai bên chung sống tình cảm được một thời gian khá dài thì phát sinh mâu thuẫn, ngày một căng thẳng, trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã bất đồng quan điểm, xúc phạm lẫn nhau, anh T còn thường xuyên dùng bạo lực với chị. Hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ, tình cảm gì với nhau nữa. Do hai bên không có đăng ký kết hôn nên Tòa án cần phải áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 điều 9 và khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014, xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung như đã nêu trên, nhưng đều đã đủ tuổi trưởng thành, nên Tòa không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1,7 điều 28; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân & Gia đình.

Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị T và anh Đặng Quang T.

Về án phí: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003037 ngày 26/7/2021. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gửi:
- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND Xã
- Lưu hs, VP

Phạm Văn Giang